

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TIẾP
NGHIỆP QUẢN LÝ ĐỐI NGẠI 1 TRẠNG THÁI CÔNG TY C
PHÂN QUẢN LÝ ĐỐI NGẠI VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIÊN HUẾ**

ĐOÀN NGUYỄN BỒNG C

Khóa học 2016-2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI XÍ
NGHIỆP QUẢN LÝ ĐƯỜNG NG B 1 TRẠC THUẬN CÔNG TY CỔ
PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG NG B VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THẠ THIÊN HƯ**

Sinh viên thực hiện : Đoàn Nguyễn Bảo Ngọc

Lớp : K50A Kế Toán

Niên khóa: 2016-2020

Giáo viên hướng dẫn

Th.s Hoàng Thị Kim Thoa

Huế, tháng 5 năm 2020

Lời Cảm Ơn!

Quãng thời gian bốn năm sinh viên tại trường Đại học Kinh tế Huế là quãng thời gian đẹp đẽ của tuổi thanh xuân của mỗi sinh viên. Và kết thúc cho chuỗi ngày dài đẹp này là việc sinh viên bước vào khoảng thời gian học tập cuối khóa, đó là cột mốc quan trọng giúp sinh viên củng cố lại và vận dụng kiến thức tích lũy được trên ghế nhà trường vào thực tiễn, từ đó tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

Sau khoảng thời gian học tập tại Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế cùng với những kiến thức đã được học tập trong lớp, tôi nay tôi đã hoàn thành được bài khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài “Công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế”. Để hoàn thành được bài báo cáo này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ rất nhiều từ quý thầy cô cũng như quý Công ty.

Đầu tiên tôi muốn gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô giáo khoa Kế toán Tài chính, những người cảm nhận được, luôn tận tình truyền dạy những kiến thức bổ ích cho sinh viên có được những kiến thức tuyệt vời nhất. Có như vậy, bản thân tôi cũng như mỗi sinh viên mới có cơ sở hoàn thành bài tốt nghiệp tốt nhất có thể. Để có được kết quả này, tôi cảm ơn đức biết tôi cũng xin gửi đến cô giáo là Thạc sĩ Hoàng Thị Kim Thoa đã luôn giúp đỡ những lúc cần nhất, cô đã luôn tận tình quan tâm, chăm sóc tôi hoàn thành tốt khóa luận này trong thời gian qua.

Tôi xin chân thành cảm ơn đến ban lãnh đạo công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế khi đã cho tôi cơ hội được vào công ty thực tập, tôi thực sự cảm kích và đi đầu đó. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các cô, các anh chị kế toán tại phòng kế toán tài chính của công ty, đã giúp đỡ tôi nhiệt tình trong việc hướng dẫn thực tập, giải đáp thắc mắc và cung cấp số liệu, chứng từ để hôm nay tôi đã hoàn thành được khóa luận tốt nghiệp của mình.

Do thời gian nghiên cứu thực tập còn hạn chế cũng như kiến thức chuyên môn còn nhiều giới hạn nên trong bài báo cáo này không thể tránh khỏi sai sót, do đó tôi rất mong muốn sự nhận xét và đóng góp ý kiến của quý thầy cô để bài báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đoàn Nguyễn Bảo Ngọc

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dùng c
CP	Chi phí
CPKĐ	Chi phí công đoàn
CT	Công trình
DDCK	Dạng cuối kỳ
DDĐK	Dạng đầu kỳ
HMCT	Hàng mục công trình
HTK	Hàng tồn kho
MTC	Máy thi công
NCTT	Nhân công trực tiếp
NVL	Nguyên vật liệu
PSTK	Phát sinh trong kỳ
SX	Sản xuất
SXC	Sản xuất chung
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNCTTT	Thu nhập chịu thuế tính trực
TSCĐ	Tài sản cố định

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC BIỂU	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	viii
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu của đề tài	12
3. Đối tượng nghiên cứu	2
4. Phạm vi nghiên cứu	2
6. Kết cấu đề tài	4
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	5
1.1. Tổng quan về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	5
1.1.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp	5
1.1.1.1. Khái niệm chi phí trong doanh nghiệp	5
1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất	6
1.1.2. Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp	9
1.1.2.1. Khái niệm về giá thành sản phẩm	9
1.1.2.2. Nội dung của giá thành sản phẩm	10
1.1.2.3. Chức năng của giá thành	10
1.1.2.4. Phân loại giá thành sản phẩm	10
1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	12
1.2. Nhiệm vụ chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp	12
1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp	12

1.2.2. Nội dung và phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	13
1.2.2.1. Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	13
1.2.2.2. Xác định kỳ tính giá thành.	14
1.2.2.3. Phương pháp kế toán các chi phí sản xuất.	14
1.2.2.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BÊ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦA THIÊN HƯ	26
2.1. Tình hình cơ bản và tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Quản lý Đường bê và xây dựng công trình Thủa Thiên Hư	26
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Quản lý Đường bê và xây dựng công trình Thủa Thiên Hư.	26
2.1.2. Đặc điểm hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy	27
2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Quản lý Đường bê và xây dựng công trình Thủa Thiên Hư	27
2.1.2.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Quản lý Đường bê và Xây dựng công trình Thủa Thiên Hư	28
2.1.3. Quy mô, nguồn lực kinh doanh	32
2.1.4. Tình hình tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ phần Quản lý Đường bê và Xây dựng công trình Thủa Thiên Hư	40
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Quản lý Đường bê và Xây dựng công trình Thủa Thiên Hư	44
2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	44
2.2.2 Kỳ tính giá thành	44
2.2.3. Phương pháp kế toán các chi phí sản xuất.	44
2.2.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	45
2.2.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	56
2.2.3.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công	60

2.2.3.4. K ^l toán chi phí s ⁿ xu ^t chung.....	65
2.2.3.5. T ^l ng h ^p chi phí s ⁿ xu ^t	74
2.2.4.. Ph ^o ng pháp tính giá thành s ⁿ ph ^m	82
3.1. Đánh giá chung v ⁱ v ⁱ c t ^l ch ^l c công tác k ^l toán c ^a công ty Qu ⁿ lý đ ^o ng b ⁱ và xây d ^o ng công trình Th ^a Thiên Hu ⁱ	84
3.1.1. Nh ^o ng u ⁱ đ ^o m.....	84
3.1.2. Nh ^o ng h ⁿ ch ^l	85
3.2. Đánh giá v ⁱ công tác k ^l toán chi phí s ⁿ xu ^t và tính giá thành s ⁿ ph ^m c ^a công ty Qu ⁿ lý đ ^o ng b ⁱ và xây d ^o ng công trình Th ^a Thiên Hu ⁱ	85
3.2.1. Nh ^o ng u ⁱ đ ^o m.....	85
3.2.2. Nh ^o ng h ⁿ ch ^l	86
3.3. M ^o t s ^o gi ⁱ i pháp nh ^m hoàn thi ⁿ t ^l ch ^l c công tác k ^l toán và công tác chi phí s ⁿ xu ^t , tính giá thành s ⁿ ph ^m c ^a công ty Qu ⁿ lý đ ^o ng b ⁱ và xây d ^o ng công trình Th ^a Thiên Hu ⁱ	88
3.3.1. Đ ^o i v ⁱ t ^l ch ^l c công tác k ^l toán.....	88
3.3.2. Đ ^o i v ⁱ công tác k ^l toán chi phí s ⁿ xu ^t và tính giá thành s ⁿ ph ^m	89
3.3.2.1: K ^l toán chi phí nguyên v ⁱ t li ^u tr ⁱ c t ⁱ p	89
3.3.2.2 K ^l toán chi phí nhân công tr ⁱ c t ⁱ p.....	90
3.3.2.3 K ^l toán chi phí s ^o đ ^o ng máy thi công.....	90
PH^o N III: K^l T LU^oN VÀ KI^o N NGH^o	92
3.1. K ^l t lu ^o n.....	92
3.2 Ki ^o n ngh ^o	92
DANH M^oC TÀI LI^u THAM KH^o O	94
PH^o L^oC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 – Tình hình lao động của Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Thiên Thu qua 3 năm (2017-2019)	34
Bảng 2.3: Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư và Xây dựng công trình Thiên Thu qua 3 năm (2017 – 2019).....	36
Bảng 2.4- Bảng tổng hợp kinh phí nghiệm thu quý 2 năm 2019	50
Bảng 2.5 Bảng phân bổ chi phí máy thi công của quý 2 năm 2019	63
Bảng 2.6-Bảng chi phí công	80
Bảng 2.7 - Bảng thanh toán tiền lương.....	70
Bảng 2.8 - Bảng trích khấu hao TSCĐ năm 2019	71
Bảng 2.9- Bảng chi tiết giá thành công trình.....	78

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 Giấy yêu cầu vật tư	47
Bảng 2.2 Phiếu xuất kho.....	48
Bảng 2.3-Tờ kê chi phí trả trước	53
Bảng 2.4- Chứng từ ghi sổ số 18.....	54
Bảng 2.5- Sổ cái TK 621	55
Bảng 2.6- Sổ chi tiết TK 6221.....	58
Bảng 2.7- Sổ chi tiết TK 6222.....	59
Bảng 2.8 - Sổ cái TK 622	60
Bảng 2.9 - Hóa đơn GTGT.....	61
Bảng 2.10- Sổ cái TK 623.....	64
Bảng 2.11- Sổ chi tiết TK 627.....	72
Bảng 2.12-Chứng từ ghi sổ số 23.....	74
Bảng 2.13 Chứng từ ghi sổ số 25	76
Bảng 2.14- Tờ kê chi tiết hoàn thành giá	77
Bảng 2.15- Chứng từ ghi sổ số 75.....	79
Bảng 2.16 - Sổ cái TK 154.....	81

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ kế toán chi phí NVL trực tiếp	16
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ kế toán chi phí NCTT	17
Sơ đồ 1.3- Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất máy thi công.....	19
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung.....	21
Sơ đồ 1.5 Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất	23
Sơ đồ 2.1- Chế độ kế toán chi phí máy quản lý của công ty	29
Sơ đồ 2.2 - Chế độ kế toán chi phí máy kế toán công ty.....	40
Sơ đồ 2.3- Hình thức kế toán trên máy vi tính	43
Sơ đồ 2.4 – Lưu đồ kế toán nguyên vật liệu.....	46
Sơ đồ 2.5- Luân chuyển chứng từ	67

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng khốc liệt, hoạt động có hiệu quả và mang lại lợi nhuận cao luôn là mục tiêu của hàng đầu của các doanh nghiệp. Ngành xây dựng là ngành đóng góp khá lớn vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy vậy ngành xây dựng cũng là một trong những ngành được đầu tư nhiều nhất nhưng là ngành tồn tại nhiều tiêu cực, khi mà khuyến khích thoát nợ và xây dựng, đầu tư tràn lan, chất lượng công trình không đảm bảo. Một khác, khâu sản xuất là khâu quản lý nhất nhưng lại là khâu dễ xảy ra những thất thoát và vì vậy nên công tác quản lý và có tốt hay không, doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác quản lý chi phí. Điều này không định tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Công ty Cổ phần Quản lý đô thị và Xây dựng công trình Thà Thiên Huế là công ty xây dựng với 11 đơn vị trực thuộc nên việc tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất như nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và máy thi công sẽ gặp không ít khó khăn vì những chi phí này không những phát sinh tại Công ty mà còn phát sinh liên quan đến 11 đơn vị của mình. Trong quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành chắc hẳn sẽ gây ra những tiêu cực và thất thoát. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với Công ty luôn không ngừng đổi mới, hoàn thiện đồ án và xây dựng, để tồn tại trên thị trường. Để biết công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng luôn được xem trọng. Giúp đưa ra các số liệu để nhà quản trị ra những quyết định đúng đắn và đem lại lợi ích tối đa.

Mong muốn và xây dựng các kiến thức đã học và hiểu rõ hơn về kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong thực tế, nên em quyết định chọn đề tài “**Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Quản lý đô thị và xây dựng công trình Thà Thiên Huế**” để giúp công ty hoàn thiện hơn về công tác tập hợp các chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

2. Mục tiêu của đề tài

- Tìm hiểu những vấn đề lý luận cơ bản của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (Các khái niệm, phân loại chi phí, các phương pháp tính giá, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm)

- Tìm hiểu thực trạng kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thà a Thiên Huế.

- Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thà a Thiên Huế.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Phòng Tài chính – Kế toán của công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và xây dựng công trình Thà a Thiên Huế.

- Về thời gian: Đề tài tập trung thực hiện số liệu về số lao động, kết quả hoạt động kinh doanh, nguồn vốn và tài sản liên quan trong ba năm 2017, 2018 và năm 2019. Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm công trình “ Sà a chà a thà a xuyên đường thành phố ” tập trung 6 tháng đầu năm 2019” của Xí nghiệp Quản lý đường bộ 1 thuộc Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng Công trình Thà a Thiên Huế.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tôi đã tiến hành các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thông qua các giáo trình như Giáo trình Kế toán chi phí của Ths. Huỳnh Lợi (Nhà xuất bản thống kê 2014); Nguyên lý kế toán của PGS.TS Võ Văn Nhí (Nhà xuất bản Tài chính 2009), tham khảo các bài khóa luận của các anh chị khóa trước, tìm hiểu thông qua các văn bản pháp luật, thông tin ..., từ đó hình thành hóa các số lý luận về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Phương pháp quan sát: Tiến hành quan sát thực tế tại Công ty nói chung và phòng kế toán tài chính nói riêng để biết được quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách cũng như biết được cách xử lý, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty như nhập kho, xuất kho NVL, cách tính lương cho công nhân viên...

- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn cá nhân trực tiếp sẽ đưa ra những câu hỏi với những người cung cấp thông tin để được giải đáp thắc mắc liên quan đến đề tài.

+ Phỏng vấn kế toán tổng hợp của Công ty để biết cách thực hiện nhập Xuất Sổ Chi Tiêu, Sổ Cái, Báo cáo tổng hợp, BCTC.

+ Phỏng vấn chú Hoàng- Trưởng phòng Hành chính để tìm hiểu tình hình lao động cũng như lịch sử hình thành của Công ty, hiểu rõ hơn cách thực hiện hành bộ máy của Công ty.

+ Phỏng vấn chủ Hoàng – Kế toán vật tư của Công ty, tìm hiểu quy trình luân chuyển chứng từ liên quan đến nhập xuất NVL.

- Phương pháp thu thập tài liệu: Tiến hành thu thập các báo cáo, chứng từ, sổ sách và chi phí sản xuất và giá thành công trình “Sửa chữa thẩm mỹ xuyên đường thành phố 6 tháng đầu năm 2019” cùng các tài liệu liên quan bằng cách đi làm căn cứ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân tích: Phân tích những số liệu thu thập được từ báo cáo tài chính của Công ty để biết số biến động lên xuống của tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh. Phân tích số lương lao động để thấy được sự tăng giảm trong cơ cấu người lao động của Công ty.

- Phương pháp so sánh : Tổng hợp số liệu thu thập được tiến hành tính toán so sánh số biến động về lao động, tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh qua 3 năm 2017,2018 và 2019.

- Phương pháp kế toán: Bao gồm: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản và ghi nợ kép, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp và cân đối. Các phương pháp này được sử dụng nhằm tìm hiểu, đánh giá thực trạng hạch toán kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành nói riêng tại công ty, từ đó nghiên cứu đưa ra những giải pháp hoàn thiện phù hợp.

6. Kết cấu đề tài

Đề tài thiết kế gồm 3 phần

Phần I: Đề tài vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận và kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần quản lý đầu tư xây dựng công trình Thà a Thiên Huế

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần quản lý đầu tư xây dựng công trình Thà a Thiên Huế

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Tổng quan về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.1.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm chi phí trong doanh nghiệp

“Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán đối với hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ đến để làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu” (Theo Chuẩn mực số 01 – Chuẩn mực chung Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của các doanh nghiệp như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh đối với dòng tiền và các khoản tài sản giảm dòng tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

“Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí vốn thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bồi thường khách hàng phải do vi phạm hợp đồng,...” (Theo Chuẩn mực số 01 – Chuẩn mực chung Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

“Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các hao phí khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất, thi công trong một thời kỳ nhất định”(Theo Ths. Huỳnh Lợi, *Giáo trình Kế toán chi phí, Nhà xuất bản thống kê* 2014).

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có nội dung kinh tế khác nhau, mục đích và công dụng trong quá trình sản xuất cũng khác nhau. Để phục vụ cho công tác quản lý, tính hợp chi phí, hạch toán dòng hàng mà kế toán phân loại chi phí.

Thông thường người ta hay sử dụng các tiêu thức phân loại chi phí chủ yếu sau:

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng chi phí

Do đặc điểm của sản phẩm xây lắp và phương pháp lắp đặt toán trong xây dựng công trình là đo toán đơn vị cho từng đối tượng theo các khoản mục giá hành nên cách phân loại chi phí theo khoản mục là phương pháp sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Gồm toàn bộ trị giá nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho thi công công trình mà đơn vị xây lắp bỏ ra (vật liệu chính, vật liệu phụ,...) chi phí này không bao gồm thuế tiêu thụ nội bộ do chủ đầu tư bàn giao.

- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm toàn bộ tiền lương chính, lương phụ và phụ cấp của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân vận chuyển vật liệu thi công, công nhân làm nhiệm vụ bảo dưỡng, dọn dẹp trên công trường.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Gồm chi phí trực tiếp liên quan đến việc sử dụng máy thi công để thực hiện công tác xây dựng và lắp đặt các công trình, hạng mục công trình bao gồm: Tiền lương công nhân điều khiển máy, nhiên liệu, khấu hao máy thi công,...

- Chi phí sản xuất chung: Bao gồm các chi phí có liên quan đến việc xây lắp, tức là liên quan đến nhiều công trình và hạng mục công trình. Nội dung của các khoản chi phí này bao gồm: lương công nhân sản xuất, lương phụ cấp của công nhân sản xuất, khấu hao TSCĐ (không phải là khấu hao máy móc thi công), chi phí dịch vụ mua ngoài

(đi ăn, nể c, văn phòng phẩm....), chi phí bán hàng khác: Chi phí tiếp khách, nghiệm thu bàn giao công trình.

❖ **Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị của các loại nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ xuất dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo.

- Chi phí nhân công: Là các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Bao gồm chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định dùng vào hoạt động.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí về dịch vụ phải trả tiếp cho quá trình sản xuất như: Vận chuyển, đi ăn, nể c,...

- Các chi phí khác bán hàng: Là những khoản chi phí trả tiếp khác ngoài những chi phí trên như: tiếp khách, hội nghị, thu hồi tài nguyên.

❖ **Phân loại chi phí theo mục đích, công dụng chi phí và quản lý giá thành**

Theo cách phân loại này thì những chi phí có công dụng như nhau sẽ được xếp vào một yếu tố, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu khác... được sử dụng trực tiếp sản xuất sản phẩm
- Chi phí nhân công trực tiếp: Là toàn bộ chi phí trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm như tiền lương, các khoản phải cấp, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất.
- Chi phí sản xuất chung: Là những khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phải và quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, tổ đội sản xuất bao gồm chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài... phải trả cho sản xuất.

❖ **Phân loại chi phí theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm hoàn thành.**

Đây là phương pháp phân loại chi phí dựa vào sự biến động trong kỳ toán quản trị chi phí sản xuất. Mỗi yếu tố chi phí tham gia vào quá trình sản xuất với mức độ khác nhau, có yếu tố chi phí biến động trong chi phí sản xuất sản phẩm, có yếu tố không chi phí biến động trong tổng chi phí sản xuất đó. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành:

- Chi phí biến đổi: Là những chi phí có sự thay đổi về tổng số theo quan hệ thuận với sự thay đổi của khối lượng SP sản xuất trong kỳ. CP biến đổi cho một đơn vị sản phẩm thì không đổi như CP nhân công, CP nguyên vật liệu,...).
- Chi phí cố định: Là những chi phí không biến đổi khi mức độ hoạt động thay đổi, nhưng khi tính cho một đơn vị hoạt động thì chi phí này lại thay đổi như chi phí thuê nhà xưởng, tổng số của ban quản lý.
- Chi phí hỗn hợp: Là những chi phí gồm các yếu tố của chi phí cố định và chi phí biến đổi. Trong một giới hạn nhất định nó là chi phí cố định nhưng vượt qua giới hạn đó nó trở thành chi phí biến đổi (như CP điện thoại, fax,...).

Việc phân loại chi phí theo tiêu thức này có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quản lý chi phí sản xuất tại doanh nghiệp, là cơ sở thiết kế và xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận, dùng để phân tích điểm hòa vốn và đưa ra các quyết định quản trị trong kinh doanh. Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định chi phí.

❖ Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định

- Chi phí kiểm soát được: Là chi phí mà các nhà quản trị có một cấp quản lý nào đó xác định được khối lượng phát sinh của nó, có thẩm quyền quyết định và sẽ phát sinh chi phí đó, cấp quản lý đó kiểm soát được những chi phí này
- Chi phí không kiểm soát được: Là những chi phí mà các nhà quản trị có một cấp quản lý nào đó không thể dự đoán chính xác sẽ phát sinh của nó, và không có thẩm quyền quyết định với khoản chi phí đó.

Các nhà quản trị cấp cao có phạm vi, quyền hạn rộng rãi với chi phí hỗn hợp các nhà quản trị cấp thấp và thường là các cấp quản lý thấp mới có chi phí không kiểm soát

đồng c. Việc phân loại này có ý nghĩa quan trọng trong tính toán và lập báo cáo kết quả lãi, lỗ báo phí.

❖ Phân loại chi phí nhằm mục đích cho việc ra quyết định

Theo quan điểm này, chi phí bao gồm:

- Chi phí chênh lệch: Là những khoản chi phí có thể phát sinh trong năm này nhưng chỉ có một phần hoặc không có thể phát sinh trong năm khác.
- Chi phí chìm: Là những chi phí đã phát sinh, nó có trong tất cả các phương án SXKD được đưa ra xem xét lựa chọn. Đây là những chi phí mà nhà quản trị phải chấp nhận không có sự lựa chọn. Bởi vậy, chi phí chìm luôn có thông tin không thích hợp cho việc xem xét, lựa chọn phương án tối ưu.
- Chi phí cơ hội: Là chi phí bỏ mất đi vì lựa chọn phương án, hành động này thay vì lựa chọn phương án, hành động khác. Vì vậy, ngoài những chi phí đã được tập hợp trong sổ sách kế toán, trước khi ra quyết định, nhà quản trị còn phải xem xét chi phí cơ hội phát sinh do những yếu tố kinh doanh có thể sẽ được theo cách khác mà những cách này cũng mang lại lợi nhuận.

1.1.2. Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm và giá thành sản phẩm

“Giá thành sản xuất sản phẩm là một phạm trù của sản xuất hàng hóa, phản ánh tổng giá trị của những hao phí lao động sống và lao động vật hóa đã được sử dụng chi cho sản xuất liên quan đến khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhất định” (Theo Ths. Huỳnh Lợi, Giáo trình Kế toán chi phí, Nhà xuất bản thống kê 2014).

“Giá thành sản phẩm là chi phí sản xuất tính cho một khối lượng hoặc một đơn vị sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành trong điều kiện công suất bình thường”.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như những tác động của pháp luật, kế hoạch mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt mục đích sản xuất ra các khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí thấp nhất. Giá thành là căn cứ để xác định hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.2.2. Nội dung của giá thành sản phẩm

Bản chất giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố vật chất và giá trị sản phẩm được sản xuất và tiêu thụ. Chỉ có sự chuyển dịch này thì không thể nói đến chi phí và giá thành sản phẩm. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản hao phí vật chất thực tế cần bù đắp bất kể nó thuộc bộ phận nào trong cấu thành giá thành sản phẩm.

Tùy thuộc đến điểm kinh tế kỹ thuật của mỗi ngành sản xuất, kết cấu giá thành sản phẩm bao gồm những khoản mục chi phí khác nhau. Chẳng hạn, trong ngành sản xuất giá thành sản phẩm bao gồm các khoản mục chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

1.1.2.3. Chức năng của giá thành

- Giá thành là thước đo bù đắp chi phí: Giá thành sản phẩm là biểu hiện của toàn bộ hao phí vật chất và lao động mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ một khối lượng sản phẩm. Những hao phí này phải được bù đắp đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất. Thông qua chỉ tiêu giá thành để xác định chính xác, doanh nghiệp có thể bù đắp được chi phí sản xuất đã bỏ ra.

- Chức năng đòn bẩy kinh tế: Doanh lợi của doanh nghiệp cao hay thấp phụ thuộc trực tiếp vào mức giá thành sản phẩm, hay thấp giá thành sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu là biện pháp cần thiết để tăng doanh lợi, tích lũy để tái sản xuất mở rộng. Cùng với các phạm trù như giá cả, lãi.. giá thành sản phẩm là đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp tăng cường hiệu quả kinh doanh.

- Chức năng lập giá: Sản phẩm của các doanh nghiệp được trao đổi, mua bán trên thị trường theo mức giá bán mà doanh nghiệp đó đưa ra, mặt khác trong những công cụ quản lý để xác định mức giá bán phù hợp chính là giá thành của sản phẩm để làm cơ sở cho doanh nghiệp có thể bù đắp được chi phí và duy trì sản xuất hay mở rộng hơn quy mô.

1.1.2.4. Phân loại giá thành sản phẩm